

GIỮ [+7.6%]

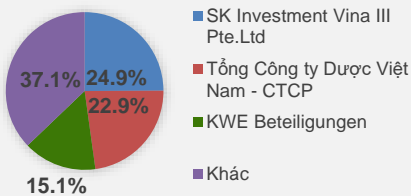
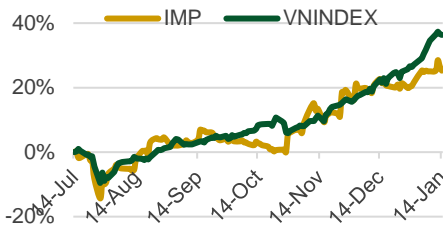
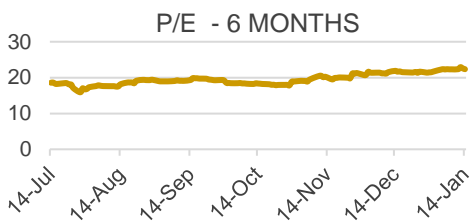
Ngày cập nhật: 21/01/2020

 Giá hợp lý 59,400 VNĐ
 Giá hiện tại 55,200 VNĐ

PHS

 (+82-28) 5 413 5479 – support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	66.7
Free-float (triệu)	33.3
Vốn hóa (tỷ đồng)	3,669
KLGD TB 3 tháng	101,403
Sở hữu nước ngoài	49%
Ngày niêm yết đầu tiên	04/12/2006

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: Fiinpro

Gia tăng thị phần trúng thầu thuốc nhóm 2 năm 2020 lên 24%
Cập nhật KQKD 2020:

Kênh ETC tăng trưởng tốt làm động lực tăng trưởng cho IMP. Kết thúc năm 2020, doanh thu thuần của IMP đạt 1,369 tỷ đồng (-2% YoY). LNST đạt 210 tỷ đồng (+29% YoY), hoàn thành 98% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Doanh thu kênh ETC tăng trưởng ấn tượng 40% YoY trong 11M2020, và đóng góp 38.5% vào tổng doanh thu. Năm 2020, so với các doanh nghiệp dược trong nước, IMP chiếm thị phần đấu thầu nhóm 2 lớn nhất, vào khoảng 23.5% tổng giá trị đấu thầu thuốc nhóm 2, tăng từ mức 9% của năm 2019, cho thấy khả năng cạnh tranh mạnh của IMP trong phân khúc này, đồng thời thể hiện năng lực sản xuất thuốc vượt trội hơn các doanh nghiệp trong nước. Tăng trưởng kênh ETC được thúc đẩy bởi các nhà máy EU-GMP và chính sách của nhà nước khuyến khích thuốc sản xuất trong nước.

Các nhà máy EU-GMP gia tăng vị thế cạnh tranh của IMP. Bên cạnh việc gia tăng khả năng đấu thầu thuốc giá trị cao, việc tái cơ cấu lại danh mục sản phẩm, tập trung khai thác những mặt hàng có biên lợi nhuận cao, đặc biệt của các nhà máy EU-GMP đã góp phần cải thiện kết quả kinh doanh của IMP. Kết thúc năm 2020, EBITDA tăng trưởng ấn tượng 29% YoY, đưa biên EBITDA lên 23.1%.

Điểm nhấn đầu tư:

Tăng trưởng chính từ kênh ETC. Kênh ETC trong năm 2019 tăng trưởng lên tới 98.3%YoY đóng góp từ nhóm thuốc kháng sinh và các sản phẩm đặc trị có lợi thế đã thử tương đương sinh học. IMP là một trong số 3 doanh nghiệp có giá trị trúng thầu cao nhất trong mảng kháng sinh ở nhóm 2. Gần 90% doanh thu kênh ETC của IMP tới từ doanh thu đấu thầu thuốc kháng sinh ở nhóm 2 nhờ các nhà máy và dây chuyền kháng sinh mới đạt chuẩn EU-GMP đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, IMP cũng nâng cao lợi thế cạnh tranh so với đối thủ cạnh tranh nhờ các sản phẩm của IMP có giá thầu rẻ.

Kiểm soát nguyên vật liệu nhằm ứng phó với tình trạng thiếu hụt do dịch Covid-19. IMP chỉ nhập khoảng 25% giá trị nguyên liệu từ Trung Quốc. Ngoài ra, công ty có chính sách dự trữ nguyên liệu sản xuất và thời gian dự trữ nguyên liệu hợp lý từ 3-6 tháng, do đó công ty có sức đề kháng cao trước biến động nguồn nguyên liệu, góp phần giảm thiểu rủi ro và ổn định biên lợi nhuận.

Định giá & khuyến nghị: Chúng tôi cho rằng doanh thu kênh ETC sẽ là động lực tăng trưởng chính cho IMP trong tương lai. Chúng tôi dự phóng doanh thu ETC năm 2021 của IMP đạt khoảng 655 tỷ đồng (+30% YoY), cao hơn so với dự phóng cũ là 631 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi ước tính doanh thu 2021 của IMP đạt khoảng 1,543 tỷ đồng (+13% YoY), và LNST đạt 240 tỷ đồng (+15% YoY). Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, mức giá hợp lý cho cổ phiếu IMP khoảng **59,400 đồng/cổ phiếu** (+7.6% so với giá hiện tại). Từ đó tiếp tục khuyến nghị **GIỮ** cổ phiếu này.

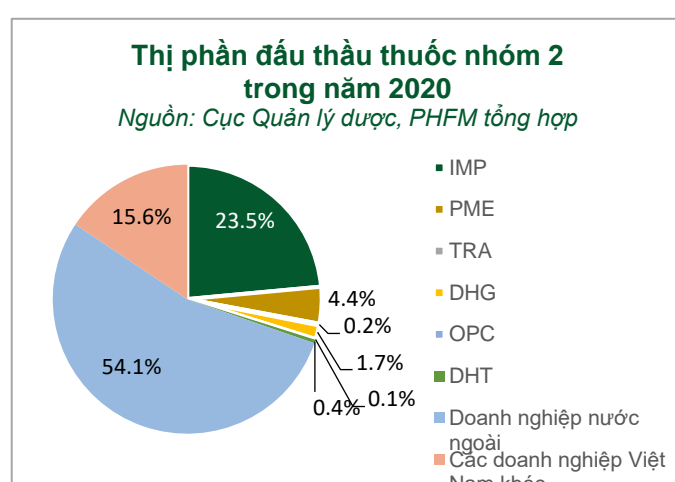
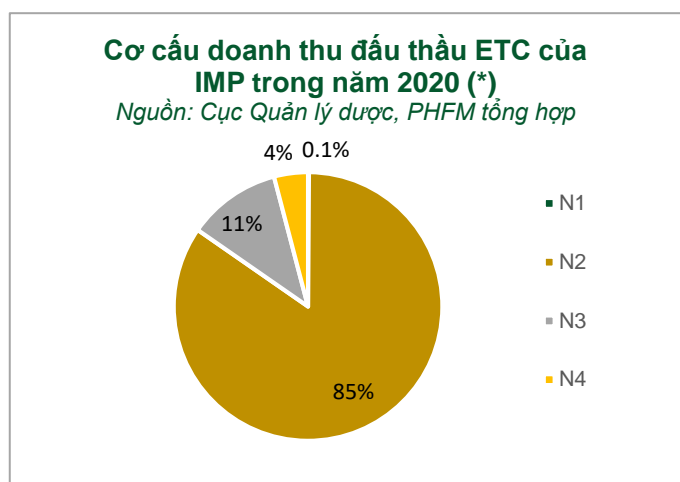
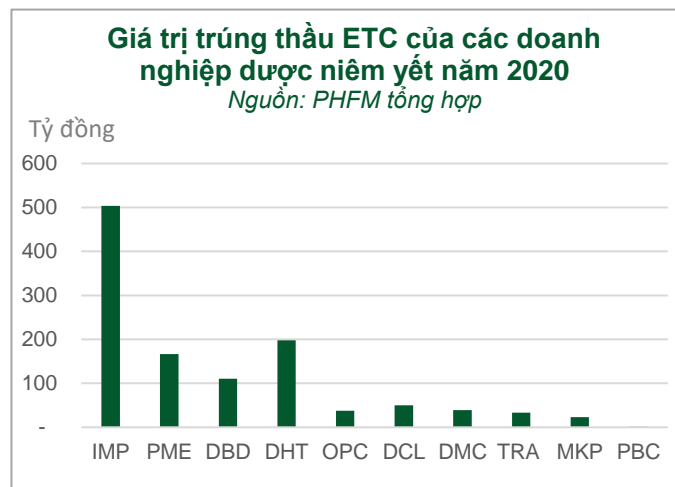
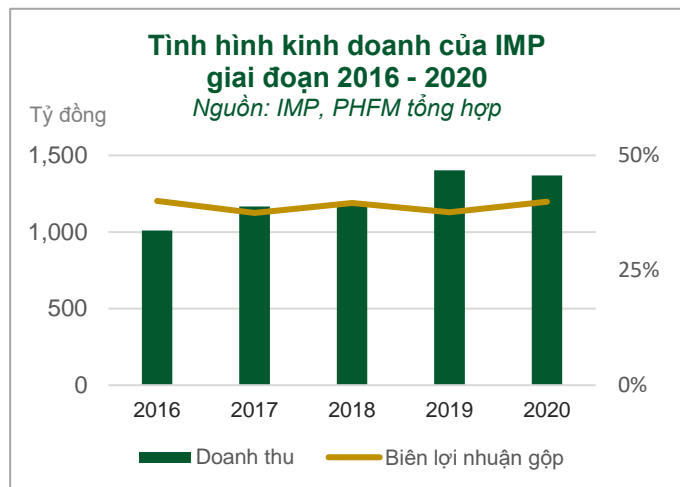
Rủi ro:

- (1) Rủi ro nguồn nguyên liệu;
- (2) Sản phẩm kháng sinh chịu áp lực cạnh tranh;
- (3) Rủi ro xét duyệt nhà máy mới.

Chỉ số tài chính	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E
Doanh thu thuần (tỷ VND)	964	1,010	1,165	1,185	1,402	1,369	1,543
LNST (tỷ VND)	93	101	117	139	162	210	241
EPS (VND)	2,729	3,076	2,160	2,524	2,892	3,144	3,611
Tăng trưởng EPS (%)	-20%	13%	-30%	17%	15%	9%	15%
Giá trị sổ sách (VND/cp)	26,636	28,459	25,681	27,384	27,758	25,942	27,902
P/E	16.0	16.5	28.9	22.6	17.3	18.9	16.5
P/B	1.4	1.6	1.9	1.9	1.6	2.3	2.1
Cổ tức tiền mặt (%)	20%	8%	5%	20%	10%	20%	N/A

Tình hình kinh doanh của IMP

1) Kênh ETC tăng trưởng tốt làm động lực tăng trưởng cho IMP



Tâm lý ngại đến bệnh viện của người dân do dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng đến ngành dược. Tuy nhiên, do Việt Nam thực hiện tốt công tác phòng dịch, nên các tháng cuối năm 2020, ngành dược có diễn biến tích cực hơn. Kết thúc năm 2020, doanh thu thuần của IMP đạt 1,369 tỷ đồng (-2% YoY), hoàn thành 87% kế hoạch năm 2020. LNST đạt 210 tỷ đồng (+29% YoY), hoàn thành 98% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Kênh ETC tăng trưởng thuận lợi là hướng phát triển của IMP trong tương lai. Trong 11M2020, doanh thu kênh ETC(*) tăng trưởng ấn tượng 40% YoY, và đóng góp 38.5% vào tổng doanh thu. Trong khi doanh thu kênh OTC giảm 10% và đóng góp khoảng 61.5% vào tổng doanh thu, với giá trị khoảng 722 tỷ đồng.

IMP thể hiện thế mạnh trong đấu thầu thuốc kênh điều trị. Năm 2020, tổng giá trị trúng thầu kênh ETC của IMP chỉ chiếm khoảng 4% tổng giá trị trúng thầu, nhưng cao hơn các doanh nghiệp niêm yết khác, cao hơn CTCP Dược phẩm Hà Tây (DHT) khoảng 2.5 lần, CTCP Pymepharco (PME) khoảng 3.0 lần, CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (DBD) khoảng 4.1 lần.

IMP duy trì lợi thế đấu thầu thuốc nhóm 2. Theo số liệu của Cục Quản lý Dược, trong năm 2020, giá trị trúng thầu thuốc nhóm 2 của IMP đạt khoảng 426 tỷ đồng và chiếm khoảng 85% tổng giá trị trúng thầu kênh ETC của IMP. Giá trị trúng thầu thuốc nhóm 3 đạt khoảng 57 tỷ đồng với tỷ trọng cao thứ 2 là 11%. Trong khi thuốc trúng thầu nhóm 1 và 4 chỉ chiếm tỷ trọng không đáng kể và chiếm lần lượt là 0.1% và 4% với giá trị là 554 triệu đồng cho nhóm 1 và 21 tỷ đồng cho nhóm 4. Các hoạt chất có giá trị trúng thầu nhóm 2 cao nhất gồm cefixim, Cefoperazone, và Sulbactam.

(*) Kênh ETC: Kênh thuốc điều trị

Kênh OTC: Thuốc bán kênh nhà thuốc

Thuốc nhóm 1: Thuốc đạt chuẩn EU-GMP, được cấp phép và lưu hành tại các nước thuộc ICH (International Conference on Harmonization), SRA (Stringent Regulatory Authorities) hoặc Úc.

Thuốc nhóm 2: Thuốc đạt chuẩn EU-GMP chưa được lưu hành tại các nước thuộc ICH và Úc, hoặc PIC/s được cấp bởi các nước ICH và Úc.

Thuốc nhóm 3: Thuốc tương đương sinh học được bộ Y Tế chứng nhận theo chuẩn GMP.

Thuốc nhóm 4: Thuốc sản xuất trên dây chuyền WHO-GMP được bộ Y Tế chứng nhận.

Thuốc nhóm 5: Thuốc sản xuất trên dây chuyền GMP được Việt Nam công nhận, không thuộc nhóm kháng sinh, tim mạch, tiểu đường và huyết áp.

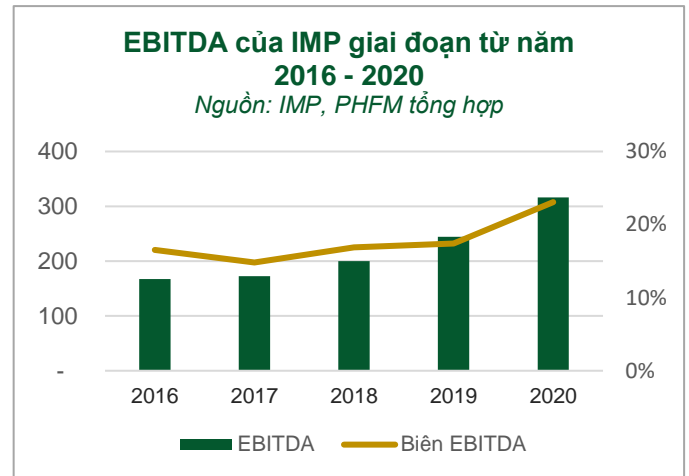
Nguồn thông tin được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng.

Thông tin chỉ mang tính chất tham khảo. Khách hàng phải chịu trách nhiệm với quyết định đầu tư của mình.

IMP là một trong những doanh nghiệp trong nước tiên phong trong đấu thầu thuốc nhóm 2. So với các doanh nghiệp được trong nước, năm 2020, IMP chiếm thị phần đấu thầu nhóm 2 lớn nhất, vào khoảng 23.5% tổng giá trị đấu thầu thuốc nhóm 2, tăng từ mức 9% của năm 2019, cho thấy khả năng cạnh tranh mạnh của IMP, đồng thời thể hiện trình độ khoa học công nghệ và năng lực sản xuất thuốc vượt trội hơn các doanh nghiệp trong nước. Trong bối cảnh đấu thầu thuốc nhóm 2 chịu sự cạnh tranh khốc liệt của thuốc ngoại với khoảng 54.1% thị phần đấu thầu thuốc nhóm 2, nhà máy IMP4 hoàn thành xét duyệt tiêu chuẩn EU-GMP sẽ góp phần gia tăng khả năng cạnh tranh của IMP so với các doanh nghiệp ngoại trong tương lai.

2) Các nhà máy EU-GMP gia tăng vị thế cạnh tranh của IMP

Các nhà máy đạt chuẩn EU-GMP đang góp phần củng cố vị thế cạnh tranh của IMP. Bên cạnh việc gia tăng khả năng đấu thầu thuốc giá trị cao, việc tái cơ cấu lại danh mục sản phẩm, tập trung khai thác những mặt hàng có biên lợi nhuận cao, đặc biệt của các nhà máy EU-GMP đã góp phần cải thiện kết quả kinh doanh của IMP. Kết thúc năm 2020, EBITDA tăng trưởng ấn tượng 29% YoY, đưa biên EBITDA lên 23.1%.



Dự phóng năm 2021

Thị trường dược phẩm của Việt Nam hiện có quy mô trên 5 tỷ USD với 22,000 loại thuốc. Theo dự báo của Fitch Solution, thì tăng trưởng ngành dược Việt Nam năm 2021 hồi phục và đạt 8.7%. Theo số liệu của Business Monitor International (BMI), quy mô chi tiêu y tế tại Việt Nam sẽ tăng lên 22.7 tỉ USD vào năm 2021, với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) là 12.5% trong giai đoạn 2017-2021. Với những dự đoán về triển vọng ngành, chúng tôi ước tính doanh thu 2021 của IMP đạt khoảng 1,543 tỷ đồng (+13% YoY), và LNST đạt 240 tỷ đồng (+15% YoY). Trong đó:

- Doanh thu kênh ETC ước đạt 655 tỷ đồng (+30% YoY) do:
 - (1) Chúng tôi kỳ vọng nhà máy IMP 4 với vốn đầu tư 470 tỷ đồng, là nhà máy được đầu tư lớn nhất, sau khi hoàn thành đợt xét duyệt tiêu chuẩn EU-GMP, sẽ đóng góp thêm 62 tỷ đồng vào doanh thu của IMP trong năm 2021;
 - (2) Khoản vay 8 triệu USD từ Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) sẽ hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động của IMP, đảm bảo nguồn nguyên liệu được cung cấp đầy đủ cho sản xuất thuốc gốc thiết yếu. Khoản vay này kỳ vọng sẽ là bệ phóng cho doanh thu của IMP trong năm 2021.
 - (3) Theo thông tư 11/2018/TT-BYT và thông tư 32/2018/TT-BYT, các dòng thuốc đấu thầu cho nhóm 1 và 2 kênh ETC phải đảm bảo điều kiện lưu hành ít nhất ba năm trên thị trường. Các sản phẩm của IMP đã đáp ứng thời gian lưu hành, điều này tạo lợi thế cho IMP mở rộng đấu thầu kênh ETC.
 - (4) Xu hướng thay thế thuốc ngoại bằng thuốc sản xuất trong nước đang tiến triển càng lúc càng nhanh nhờ các quy định của Nhà nước. Thông tư 15/2019/TT-BYT (quy định lại quy chế đấu thầu) nêu rõ trong Nhóm 5 và Nhóm 2, các loại thuốc nhập khẩu có thể không được phép chào thầu nếu thuốc sản xuất trong nước đáp ứng tiêu chuẩn WHO-GMP và EU-GMP tương ứng về cùng một hoạt chất chính (API), và nếu năng lực sản xuất của công ty có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu.
- Doanh thu kênh OTC ước đạt 699 tỷ đồng (+2% YoY) do kênh OTC tăng trưởng chậm lại khi thị trường OTC có xu hướng bão hòa.

Chi tiết định giá và khuyến nghị:

Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, mức giá hợp lý dành cho cổ phiếu IMP khoảng **59,400 đồng/cổ phiếu** (+8.0% so với giá hiện tại). Từ đó chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị **GIỮ** cho cổ phiếu này.

Phương pháp DCF

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F	2026F
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)	282	325	371	430	492	559
Lợi nhuận hoạt động ròng sau thuế	232	267	305	353	404	459
Khấu hao	65	70	79	89	100	101
WC	17	11	8	6	4	4
CAPEX	(124)	(136)	(155)	(178)	(200)	(205)
FCFF	190	211	236	270	308	358
Giá trị hiện tại của FCFF (WACC 9.7%)	173	175	179	187	194	206
Giá trị hiện tại của Giá trị cuối cùng (2.2% g)	2,813					
Nợ ròng	(56)					
Giá trị vốn cổ phần	3,871					
SLCP	66,705,370					
Giá hợp lý (VNĐ/cp)	58,027					

Phương pháp EV/EBITDA

	DCF	EV/EBITDA	Giá mục tiêu
EBITDA 2021 (tỷ đồng)	347		
EV/EBITDA ngành	12.7 x		
EV (tỷ đồng)	4,403		
Nợ ròng	(56)		
Giá trị vốn cổ phần	4,347		
SLCP	66,705,370		
Giá mục tiêu (VNĐ/cp)	65,170		
Giá mục tiêu (VNĐ/CP)	58,027	65,170	59,400
Tỷ trọng	80%	20%	VNĐ/CP

Rủi ro:

(1) Rủi ro nguồn nguyên liệu;

Do hơn 90% nguyên liệu sản xuất dược phẩm của IMP phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu nên khi giá API tăng đột biến hoặc thiếu hụt nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty, gây áp lực lên biên lợi nhuận. Do đó rủi ro nguồn nguyên liệu là rủi ro đáng quan tâm

(2) Sản phẩm kháng sinh chịu áp lực cạnh tranh

Thị trường thuốc kháng sinh trong nước là thị trường rất phân mảnh nên tồn đọng rủi ro cạnh tranh rất cao giữa các doanh nghiệp.

(3) Rủi ro xét duyệt chuẩn EU-GMP cho nhà máy mới

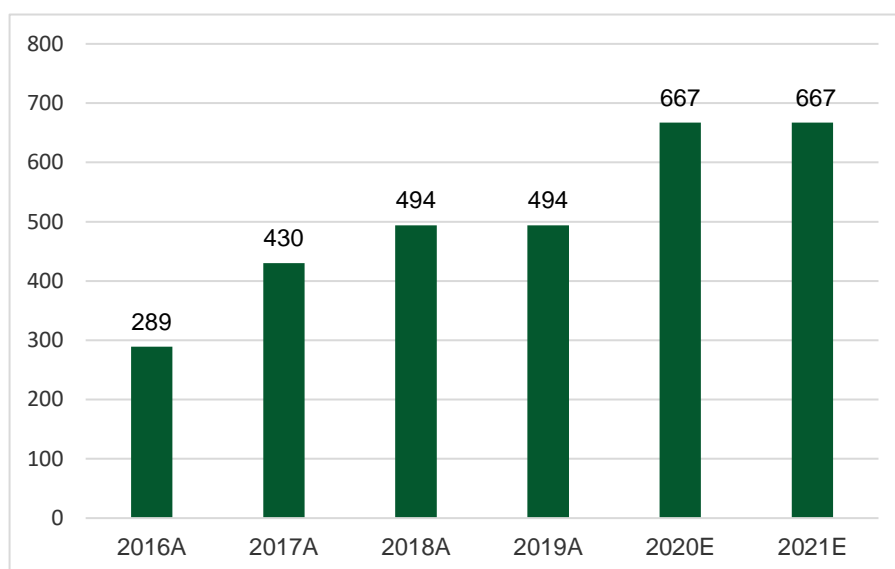
Do dịch Covid-19 kéo theo sự đóng cửa biên giới của các quốc gia, nên công tác xét duyệt chưa được thực hiện như kế hoạch. Chậm trễ trong xét duyệt chuẩn EU-GMP sẽ ảnh hưởng đến tốc độ ghi nhận nguồn doanh thu mới, từ đó gây ra nhiều rủi ro cho tăng trưởng trong tương lai của công ty.

Sơ lược công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm thành lập từ năm 1977 với hoạt động kinh doanh chính sản xuất và buôn bán các sản phẩm thuốc tân dược. Vào năm 2006, Nhà máy đầu tiên của Imexpharma - Đồng Tháp (IMP1) được cấp chứng nhận WHO-GMP và công ty cũng được niêm yết tại Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán IMP. Hiện IMP chiếm 2.5% thị phần toàn ngành dược, đứng thứ 4 trong Top 10 doanh nghiệp có uy tín nhất trên thị trường dược theo báo cáo đánh giá của Vietnam Report. Mạng lưới phân phối của IMP khá mạnh khi sở hữu 20 chi nhánh; 16,000 nhà thuốc và 425 đội ngũ trình dược viên. Các sản phẩm chủ lực của IMP là kháng sinh Betalactam, bao gồm kháng sinh uống và tiêm. Bên cạnh đó, công ty cũng tập trung sản xuất các mặt hàng Non-betalactam như giảm đau, hạ sốt, tim mạch, tiêu hóa. Mục tiêu của IMP trong năm 2020 sẽ trở thành công ty dược trong nước có nhiều máy EU-GMP nhất Việt Nam.



Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



Nguồn: IMP, PHFM tổng hợp

Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E
Doanh thu thuần	1,010	1,165	1,185	1,402	1,369	1,543
Giá vốn hàng bán	(605)	(729)	(715)	(875)	(822)	(941)
Lợi nhuận gộp	405	437	470	528	547	603
Chi phí bán hàng	(204)	(210)	(212)	(225)	(213)	(240)
Chi phí QLDN	(71)	(86)	(88)	(100)	(71)	(80)
Lợi nhuận từ HĐKD	130	141	169	203	263	282
Lợi nhuận tài chính	(3)	5	1	(9)	(10)	2
Chi phí lãi vay	(0)	(1)	(1)	(4)	(5)	(2)
Lợi nhuận trước thuế	127	147	174	202	255	293
Lợi nhuận sau thuế	101	117	139	162	210	241
LNST của cổ đông Công ty mẹ	101	117	139	162	210	241
Cân đối kế toán	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E
Tài Sản Ngắn Hạn	721	978	835	780	982	934
Tiền và tương đương tiền	100	106	190	75	85	15
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15	183	4	5	64	75
Phải thu ngắn hạn	367	396	290	330	398	400
Hàng tồn kho	235	282	324	350	424	429
Tài sản ngắn hạn khác	4	10	26	19	11	14
Tài Sản Dài Hạn	435	796	940	1,067	1,114	1,323
Phải thu dài hạn	0	0	4	2	0	0
Tài sản cố định	270	268	315	477	503	683
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	76	427	548	490	522	541
Đầu tư tài chính dài hạn	61	66	41	52	52	58
Tài sản dài hạn khác	28	36	32	46	37	42
Tổng cộng tài sản	1,156	1,774	1,774	1,847	2,096	2,257
Nợ phải trả	220	378	270	288	366	396
Nợ ngắn hạn	198	344	236	262	347	377
Nợ dài hạn	22	34	33	26	19	19
Vốn chủ sở hữu	936	1,395	1,505	1,559	1,730	1,861
Vốn góp	289	430	494	494	667	667
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	1,156	1,774	1,774	1,847	2,096	2,257

Lưu chuyển tiền tệ	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	85	97	132	67	73	175
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(14)	(443)	(48)	(121)	(136)	(132)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(58)	352	-	(61)	74	(113)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	12	6	84	(115)	10	(70)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	88	100	106	190	75	85
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	100	106	190	75	85	15
Chỉ số tài chính (%)	2016A	2017A	2018A	2019A	2020E	2021E
Tăng trưởng						
Doanh thu	4.8%	15.4%	1.7%	18.4%	-2.4%	12.7%
Lợi nhuận sau thuế	8.9%	16.0%	18.2%	17.1%	29.1%	14.9%
Tổng tài sản	5.8%	53.4%	0.0%	4.1%	13.5%	7.7%
Tổng vốn chủ sở hữu	3.2%	49.1%	7.8%	3.6%	11.0%	7.6%
Khả năng sinh lời						
Tỷ suất lãi gộp	40.1%	37.5%	39.6%	37.6%	39.9%	39.1%
Tỷ suất EBIT	12.9%	12.1%	14.3%	14.5%	19.2%	18.3%
Tỷ suất lãi ròng	10.0%	10.1%	11.7%	11.6%	15.3%	15.6%
ROA	8.8%	6.6%	7.8%	8.8%	10.0%	10.7%
ROE	10.8%	8.4%	9.2%	10.4%	12.1%	12.9%
Hiệu quả hoạt động						
Số ngày phải thu	136	126	92	88	109	97
Số ngày tồn kho	140	140	165	145	187	166
Số ngày phải trả	54	104	52	36	24	33
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	3.64	2.84	3.53	2.97	2.83	2.48
Tỷ suất thanh toán nhanh	2.46	2.02	2.16	1.64	1.61	1.34
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.19	0.21	0.15	0.16	0.17	0.18
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0.23	0.27	0.18	0.18	0.21	0.21
Vay ngắn hạn/VCSH	0.21	0.25	0.16	0.17	0.20	0.20
Vay dài hạn/VCSH	0.02	0.02	0.02	0.02	0.01	0.01

Nguồn: PHFM

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Nguyễn Thị Thảo Vy**, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801